

Bản án số: 201/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngân

Ông Trần Ngọc Đăng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.**

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Số D đường K, khu vực T, thành phố C, Đài Loan;** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn N, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: **Xóm D, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An;**

Hiện đang trú tại: **Số A đường M, thành phố Đ, Đài Loan;** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1;

Cùng địa chỉ cư trú: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Đặng Văn N kết hôn với nhau vào ngày 19/10/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến tháng 07/2018, anh N sang Đài Loan làm việc và đến tháng 12/2018, chị cũng sang Đài Loan làm việc để vợ chồng chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 5/2021, vợ chồng bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn trong cuộc sống. Tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, không còn sự quan tâm, chăm sóc mà thay vào đó là sự chán ghét dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 01/2022 vợ chồng ly thân, không còn sống chung với nhau và cũng dần mất liên lạc. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Anh P, sinh ngày 24/4/2017. Hiện con chung đang ở cùng với cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đặng Văn N phải cấp dưỡng nuôi con. Do chị đang cư trú và làm việc tại Đài Loan nên chị tiếp tục nhờ ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị đang ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Theo bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), bị đơn anh Đặng Văn N trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 19/10/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến tháng 07/2018, anh sang Đài Loan làm việc và đến tháng 12/2018, chị H cũng sang Đài Loan làm việc để vợ chồng chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 5/2021, vợ chồng bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn trong cuộc sống. Tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, không còn sự quan tâm chăm sóc mà thay vào đó là sự chán ghét dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Đến tháng 01/2022 vợ chồng ly thân, không còn sống chung với nhau và cũng dần mất liên lạc. Hiện tại, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H làm đơn ly hôn thì

anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Anh P, sinh ngày 24/4/2017. Hiện con chung đang ở cùng với cha mẹ chị H là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1. Nếu ly hôn, anh và chị H thỏa thuận: Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Văn N hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Việt D1; địa chỉ cư trú: Số B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nộp bản tự khai, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 có đơn trình bày:*

Ông bà là cha mẹ của chị Nguyễn Thị H. Chị H và anh Đặng Văn N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau một thời gian chung sống, anh N và chị H sang Đài Loan làm việc thì có gửi cháu Đặng A P cho ông bà trông nom, chăm sóc từ tháng 12/2018 cho đến nay. Hiện tại, anh N và chị H ly hôn thì ông bà không yêu cầu phải trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Do chị H đang làm việc ở nước ngoài nên tiếp tục nhờ ông bà chăm sóc cháu P trong thời gian chị H chưa về Việt Nam thì ông bà đồng ý. Đồng thời, ông bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú tại Đài Loan đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn N có địa chỉ cư trú tại Đài Loan; trước xuất cảnh, chị H và anh N đều có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, **Điều 40**, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì nguyên đơn chị

Nguyễn Thị H và bị đơn anh Đặng Văn N không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài; về phía chị H đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N hiện đang cư trú tại Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, tài liệu (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh N ủy quyền cho anh Nguyễn Việt D1; địa chỉ cư trú: Số B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nộp bản tự khai, tài liệu (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) và anh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 đã nộp đơn trình bày cho Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 19 tháng 10 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến tháng 07/2018, anh N sang Đài Loan làm việc và đến tháng 12/2018, chị H cũng sang Đài Loan làm việc để vợ chồng chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 5/2021, vợ chồng bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn trong cuộc sống. Tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, không còn sự quan tâm, chăm sóc mà thay vào đó là sự chán ghét dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 01/2022 vợ chồng ly thân, không còn sống chung với nhau và cũng dần mất liên lạc. Hiện tại, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N có 01 con chung. Nay ly hôn, chị H và anh N thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đặng Anh P, sinh ngày 24/4/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị H đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 (cha mẹ của chị H) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng A P cho đến khi chị H về Việt Nam với cháu P.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con:

Chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; **Điều 40**; Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N có 01 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đặng Anh P, sinh ngày 24/4/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị H đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 (cha mẹ của chị H) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng A P cho đến khi chị H về Việt Nam với cháu P.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Đặng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012790 ngày 16/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Thái, Nam Đàn, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quỳnh**